TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 618/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh ngày 01/01/1976;

CCCD số 0600XXXXXXXX do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/5/2022

Địa chỉ thường trú và địa chỉ cư trú: Số B đường T, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh ngày 10/10/1975;

CCCD số 0791XXXXXXXX do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021

Địa chỉ thường trú: Số I đường Â, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Số B đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2003, quyển số 01 ngày 09/6/2003 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường T, tỉnh Lâm Đồng) cấp cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Trần Đăng K, sinh ngày 25/01/2004 và Lê Trần Đăng K1, sinh ngày 27/4/2007. Hai con chung đều thành niên và có khả năng lao động nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Về án phí:

Án phí hòa giải thành vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Lê Văn H tự nguyện chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006469 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho ông H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- UBND Phường T, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hương